qiān míng

签名

Verb, Noun · to sign (one's name with a pen etc)

Example Sentences

qǐng zài wén jiàn mò wěi qiān míng
请 在 文 件 末 尾 签 名 。

Please sign at the end of the document.

qǐng zài zhè lǐ qiān míng
请 在 这 里 签 名 。

Please sign your name here.

qǐng zài wén dàng de mò wěi qiān míng
请 在 文 档 的 末 尾 签 名 。

Please sign at the end of the document

Trace each character, then write the word on your own.